

Bản án số: 18/2024/DS-ST

Ngày: 18 - 12 - 2024

V/v: “*Kiện chia di sản thừa kế*”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Chương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Hồng Liên - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2023, về tranh chấp “*Kiện chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2024/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

### 1. Nguyên đơn:

- Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 5 ngách 29/6 phố V, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

- Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm Q, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Quốc V: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 5 ngách 29/6 phố V, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

### 2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn S: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1950; địa chỉ: Tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

### 3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị Thúy V, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm Q, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

Đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Thúy V: Chị Nguyễn Thị Bích N, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 5 ngách 29/6 phố V, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

3.2. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1950; địa chỉ: Tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

3.3. Ông Nguyễn Lương B, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

3.4. Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Đ - Chủ tịch.

(Phiên tòa có mặt chị N, anh V, ông S, bà N, anh B; vắng mặt ông Đ có đơn xin vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N trình bày:

- Chị là cháu ruột của ông Nguyễn Văn S; ông bà nội của chị là cụ Nguyễn Văn G (sinh năm 1923, chết năm 2015) và cụ Nguyễn Thị Ng (sinh năm 1920, chết năm 2000). Cụ G và cụ Ng có 02 người con đẻ là ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1956 và ông Nguyễn Văn L (sinh năm 1960, chết năm 2014) có vợ là bà Phạm Thị Thúy V và hai con là chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Quốc V.

Cụ G và cụ Ng không có con nuôi, con riêng hợp pháp. Ông L và bà V cũng không có con nuôi, con riêng hợp pháp.

- Cụ G và cụ Ng chết không để lại di chúc.

- Di sản của cụ G và cụ Ng để lại gồm: Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 4, diện tích 190m<sup>2</sup> đất ao; thửa đất số 31 tờ bản đồ số 4 diện tích 860m<sup>2</sup>, trong đó: Đất ở 209m<sup>2</sup>, đất vườn 411m<sup>2</sup>, đất ao 240m<sup>2</sup>; tại địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; đã được Ủy ban nhân dân thị xã Hà Nam, tỉnh Nam Hà (nay là thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C169494 ngày 14/3/1994 mang tên Nguyễn Văn G và tài sản gắn liền với thửa đất gồm 01 nhà cấp bốn xây gạch đỏ, lợp ngói đỏ được xây dựng năm 1978, nay đã cũ.

Ngày 23/9/2024, chị N có đơn đề nghị thay đổi quan điểm, chị xác định tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 4 diện tích là 90m<sup>2</sup> đất ao chứ không phải 190m<sup>2</sup>.

- Ngoài ra, tài sản trên thửa đất còn có các tài sản sau:

+ 01 nhà 03 tầng, bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín, diện tích khoảng 70m<sup>2</sup>, do bố mẹ chị là ông Nguyễn Văn L và bà Phạm Thị Thúy V xây dựng năm 2003.

+ 01 nhà mái bằng (nhà tình nghĩa) và một số công trình như nhà tắm, nhà vệ sinh, bán mái lợp tôn, nhà kho, bể nước, bếp, sân, cổng, tường bao do vợ chồng ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị N và anh Nguyễn Lương B xây dựng cùng một số cây cối hoa màu trên đất.

Nay chị yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn G và cụ Nguyễn Thị Ng để lại theo quy định của pháp luật cho các đồng thừa kế. Chị có nguyện vọng được hưởng di sản bằng hiện vật, chị xin được hưởng phần đất mà trên đất có nhà 3 tầng của bố mẹ chị đã xây dựng. Chị chỉ đề nghị chia di sản của cụ G, cụ Ng tổng diện tích đất là 950m<sup>2</sup> bao gồm 90m<sup>2</sup> đất ao tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 4 và 860 m<sup>2</sup> (trong đó 209m<sup>2</sup> đất ở, 411m<sup>2</sup> đất vườn, 240m<sup>2</sup> đất ao) tại thửa đất số 31 tờ bản đồ số 4, tại địa chỉ tổ dân phố T, phường L, thành phố P,

tỉnh Hà Nam. Đối với di sản là nhà cấp bốn và tài sản, cây cối hoa màu trên đất, nếu vào phần đất của ai được hưởng thừa kế thì người đó được sử dụng, chị không đề nghị Tòa án giải quyết đối với các tài sản này.

2. Anh Nguyễn Quốc V nhất trí như lời trình bày và quan điểm của chị Nguyễn Thị Bích N.

3. Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn S là bà Phạm Thị N trình bày:

- Bà là vợ của ông Nguyễn Văn S và là con dâu của cụ Nguyễn Văn G và cụ Nguyễn Thị Ng. Bà nhất trí với phần trình bày của chị N về năm sinh, năm mất của cụ G và cụ Ng; cụ G và cụ Ng sinh được 02 người con gồm ông Nguyễn Văn S (chồng bà) và ông Nguyễn Văn L, ông L kết hôn với bà Phạm Thị Thúy V và sinh được 2 người con là chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Quốc V, ông L chết năm 2014.

Cụ Nguyễn Văn G và cụ Nguyễn Thị Ng chết không để lại di chúc.

- Di sản của cụ Ng và cụ G để lại gồm: Thửa đất số 30 tờ bản đồ số 4, diện tích 190m<sup>2</sup> đất ao và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 4, diện tích 860m<sup>2</sup>; trong đó có 209m<sup>2</sup> đất ở, 411m<sup>2</sup> đất vườn, 240m<sup>2</sup> đất ao. Tổng diện tích 02 thửa đất là 1050m<sup>2</sup> và 01 nhà cấp bốn đã cũ được xây dựng trên thửa đất; tại địa chỉ: Tổ dân phố T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Bà N xác định theo số liệu đo đạc hiện trạng thì thửa đất của gia đình bà hiện nay đang sử dụng có tổng diện tích là 1178 m<sup>2</sup> nhưng bà nhất trí chia di sản thừa kế với tổng diện tích của 02 thửa đất (thửa số 30 và thửa số 31) là 1050m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho cụ Nguyễn Văn G, còn phần diện tích đất thừa ra và phần đất đang có tranh chấp với Ủy ban bà không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

Bà không nhất trí với việc xác định diện tích thửa đất số 30 là 90m<sup>2</sup> đất ao. Bà giữ nguyên quan điểm diện tích thửa đất số 30 là 190m<sup>2</sup> đất ao như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C169494 mang tên Nguyễn Văn G.

- Nay chị N, anh V khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ng và cụ G. Quan điểm của bà là nhất trí chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với di sản của cụ G, cụ Ng để lại là thửa đất số 30, 31, tờ bản đồ số 4; tuy nhiên bà đề nghị chia thừa kế tổng diện tích 1050m<sup>2</sup> đất theo quy định của pháp luật chứ không phải 950m<sup>2</sup> như chị N trình bày, bà cũng nhất trí chia cho chị N và anh V được hưởng thừa kế (phần của ông L) vào vị trí đất tại phần đất mà ông L và bà V đã xây dựng nhà 03 tầng trên đất, phần đất còn lại đề nghị giao cho ông S sử dụng.

4. Ông Nguyễn Văn S nhất trí với lời trình bày và quan điểm của bà Phạm Thị N.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thúy V có quan điểm:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn L và là con dâu của cụ Nguyễn Văn G và cụ Nguyễn Thị Ng. Bố mẹ chồng bà có thửa đất số 30 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 4 tại tổ dân phố T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Trong quá trình chung sống với ông Nguyễn Văn L thì vợ chồng bà có xây dựng 01 căn nhà mái bằng 3 tầng kiên cố, công trình phụ khép kín trên thửa đất và sinh sống tại đây, sau khi ông L chết, đến năm 2020 thì bà cùng các con về quê ngoại của bà để sinh sống. Nguồn tiền xây dựng nhà là của vợ chồng bà tiết kiệm mà có, các con còn nhỏ nên không có đóng góp gì. Nay con bà là chị N và anh V yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ G và cụ Ng

để lại thì bà đề nghị giải quyết theo pháp luật. Đối với 01 nhà 3 tầng nêu trên thì bà có quan điểm giao cho chị N và anh V được toàn quyền sở hữu, không phải trả tiền chênh lệch về tài sản cho bà, bà cũng không đề nghị giải quyết.

6. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Lương B có quan điểm:

Bố mẹ anh là ông Nguyễn Văn S và bà Phạm Thị N đang quản lý thửa đất số 30, 31, tờ bản đồ số 4, tại thôn T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Do anh đang công tác tại đơn vị Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Nam và có hoàn cảnh khó khăn nên thuộc diện được hỗ trợ tiền để xây nhà tình nghĩa, anh đã xây dựng 01 nhà mái bằng diện tích khoảng 45m<sup>2</sup> trên thửa đất, anh được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Hà Nam hỗ trợ số tiền 70.000.000đ, còn lại là tiền của anh. Ngoài ra anh còn xây dựng một số tài sản trên thửa đất gồm: Xây hàng rào bằng gạch xi, trụ cổng và sắt bảo vệ, cổng ra vườn, san lấp vườn, làm toàn bộ khu vực sân, xây bể nước, nhà vệ sinh mái bê tông, xây 1 bếp mái lợp ngói, 01 chuồng gà mái lợp ngói, xây nhà mái lợp Pro xi măng, làm mái tôn khu vực nhà tình nghĩa và sửa nhà cấp bốn các cụ để lại. Nay chị N và anh V khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, quan điểm của anh là đối với phần tài sản là nhà tình nghĩa xây dựng trên thửa đất giao cho bố mẹ anh quản lý, sử dụng, anh không yêu cầu giải quyết; đối với các tài sản khác mà anh xây dựng trên thửa đất nếu thuộc vào phần đất của ai được chia thừa kế thì người đó được hưởng, không phải trả tiền cho anh, anh không yêu cầu giải quyết.

\* Ngoài ra các đương sự thống nhất:

- Đối với phần tài sản trên đất là nhà cấp bốn của các cụ để lại, các đương sự không yêu cầu chia thừa kế, các bên thống nhất giao cho ông S quản lý, sử dụng và không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị N, anh V.

- Đối với phần đất vượt lập (vượt phần đất ao), tường bao, trụ cổng, sân lát xi măng, cây cối hoa màu trên thửa đất là của ông S, bà N và anh B. Khi chia thừa kế mà những tài sản này vào phần đất của ai được hưởng thì người đó được quản lý, sử dụng, không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau; các đương sự không đề nghị giải quyết.

- Đối với các tài sản được xây dựng trên thửa đất là tài sản của vợ chồng bà N, ông S như khu bếp, công trình phụ, bể, giếng nước ... cũng như nhà mái bằng (nhà tình nghĩa) của anh B, các đương sự thống nhất giao cho ông S được quản lý, sử dụng, không phải trả tiền chênh lệch tài sản cho anh B.

- Đối với nhà 3 tầng được xây dựng trên thửa đất của bà V và ông L xây dựng, quan điểm của bà V là tự nguyện giao cho chị N, anh V quản lý sử dụng và không phải trả tiền chênh lệch tài sản cho bà V.

- Về công sức chăm nom, nuôi dưỡng người để lại di sản; chi phí mai táng cụ G và cụ Ng, chi phí cúng giỗ, bốc mộ, xây mộ cho các cụ: Các đương sự không ai có yêu cầu gì đối với phần chi phí này.

- Về công sức quản lý, bảo quản, tôn tạo, sửa chữa di sản: Các đương sự không ai yêu cầu thanh toán công sức quản lý, bảo quản, tôn tạo, sửa chữa di sản.

- Về nghĩa vụ của người có di sản để lại: Các đương sự đều thống nhất khi cụ G và cụ Ng chết đều không để lại khoản nợ nào.

- Về việc từ chối nhận di sản: Không ai trong diện, hàng thừa kế của cụ G, cụ Ng từ chối nhận di sản.

- Về việc thờ cúng cụ G, cụ Ng: Các đương sự thống nhất xác định hiện nay ông S là người thờ cúng các cụ.

\* Đại diện UBND phường L, thành phố P có quan điểm:

Nguồn gốc thửa đất số 30 tờ bản đồ số 4 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 4 tại tổ dân phố T, phường L, thành phố P là của cụ Nguyễn Thị Ng và cụ Nguyễn Văn G, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C169494 mang tên Nguyễn Văn G.

Về diện tích của thửa đất thì theo các tài liệu được lưu trữ tại UBND phường thì thửa đất số 30 có diện tích là 90m<sup>2</sup> chứ không phải 190m<sup>2</sup> đất ao và thửa số 31 có diện tích là 860m<sup>2</sup>, trong đó có 209m<sup>2</sup> đất ở, 411m<sup>2</sup> đất vườn, 240m<sup>2</sup> đất ao. Tổng diện tích 02 thửa đất là 950m<sup>2</sup> (trước đây vì gia đình bà N, ông S có tranh chấp đất nên UBND thị xã Phủ Lý (nay là thành phố Phủ Lý) đã tiến hành thủ tục giám định chữ số ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C169494 mang tên Nguyễn Văn G, kết quả giám định xác định: Chữ số “1” trong cụm số “190” tại dòng 1 cột “Diện tích (m<sup>2</sup>)” với chữ viết, chữ số còn lại phần nội dung của “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số C169494 đứng tên Nguyễn Văn G ở xã Liêm Chính, thị xã Hà Nam, tỉnh Nam Hà là không phải do cùng một dụng cụ viết ra.

Đối với phần diện tích đất mà bà N xác định đang có tranh chấp với Ủy ban, địa phương xác định phần diện tích đất này không nằm trong diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế đối với thửa đất số 30 và thửa đất số 31, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

\* Đại diện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hà Nam có quan điểm:

Ông Nguyễn Văn G được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 4 thửa số 30 diện tích 90m<sup>2</sup> đất ao (thời hạn sử dụng lâu dài) và tờ bản đồ số 4 thửa số 31 diện tích 860m<sup>2</sup>, trong đó 209m<sup>2</sup> đất ở, 411m<sup>2</sup> đất vườn, 240m<sup>2</sup> đất ao, tại địa chỉ xã Liêm Chính, thị xã Hà Nam, tỉnh Nam Hà (nay là phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C169494 ngày 14/3/1994 do Chủ tịch UBND thị xã Hà Nam ký, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0094 QSDD/62QĐUB theo quyết định số 62/QĐ-UB ngày 14/3/1994 của UBND thị xã Hà Nam.

Theo tài liệu lưu trữ tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hà Nam thì ông Nguyễn Văn G được sử dụng quyền sử dụng đất tại tờ bản đồ số 4 thửa số 30 diện tích là 90m<sup>2</sup> đất ao; tại thửa số 31 tờ bản đồ số 4 là 860m<sup>2</sup> đất, trong đó 209m<sup>2</sup> đất ở, 411m<sup>2</sup> đất vườn, 240m<sup>2</sup> đất ao.

\* Đại diện phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Phủ Lý và Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Phủ Lý có quan điểm:

Căn cứ vào sổ mục kê và bản đồ địa chính năm 1986, sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1994 thì hộ ông Nguyễn Văn G được cấp diện tích đất như sau:

+ Tờ bản đồ số 4 thửa số 30 diện tích 90m<sup>2</sup> đất ao.

+ Tờ bản đồ số 4 thửa số 31 diện tích 860m<sup>2</sup> (trong đó: Đất ở: 209m<sup>2</sup>, đất vườn 411m<sup>2</sup>, đất ao: 240m<sup>2</sup>).

Theo bản đồ đo đạc hiện trạng phường Liêm Chính năm 2003 thì hộ ông Giáp sử dụng diện tích 1178m<sup>2</sup> đất tại thửa 132, tờ bản đồ số 14 (trong đó đất thổ cư 333m<sup>2</sup>, đất vườn 349m<sup>2</sup>, đất ao 496m<sup>2</sup>).

Căn cứ đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 29/8/2023 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai đo đạc hộ ông Giáp sử dụng thửa đất số 132, tờ bản đồ số 14, bản đồ phường Liêm Chính với tổng diện tích 1195m<sup>2</sup> gồm 446m<sup>2</sup> đất ở, 749m<sup>2</sup> đất vườn.

Theo đo đạc hiện trạng diện tích đất hộ ông G tăng lên 245m<sup>2</sup> so với bản đồ năm 1986 (trong đó tại thửa đất số 30 tăng ra đất Ủy ban 222m<sup>2</sup>, phần còn lại là 23m<sup>2</sup> tăng ra đất giao thông).

\* Ngày 29/8/2024, Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý đã tiến hành đo đạc, thẩm định và định giá tài sản đối với phần di sản đang có tranh chấp. Tại bản kết luận định giá tài sản 19/2023/HĐĐG ngày 08/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Phủ Lý xác định như sau:

#### 1. Về đất:

Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 4, diện tích 90m<sup>2</sup> đất ao; thửa đất số 31, tờ bản đồ số 4, diện tích 860m<sup>2</sup>, trong đó đất thổ cư là 209m<sup>2</sup>, đất vườn lâu năm là 411m<sup>2</sup>, đất ao là 240m<sup>2</sup>. Tổng cộng: 950m<sup>2</sup>; trong đó: Đất thổ cư: 209m<sup>2</sup>, đất vườn 411m<sup>2</sup>, đất ao 330m<sup>2</sup>.

- Đất thổ cư là 209m<sup>2</sup> x 1.690.000 đ/m<sup>2</sup> = 353.210.000 đồng.

- Đất vườn lâu năm là 411m<sup>2</sup> x 80.000 đ/m<sup>2</sup> = 32.880.000 đồng.

- Đất ao là 330m<sup>2</sup> x 60.000 đ/m<sup>2</sup> = 19.800.000 đồng.

Tổng giá trị của hai thửa đất là: 405.890.000đ (bốn trăm linh năm triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

#### 2. Về tài sản trên thửa đất gồm:

\* Tài sản của vợ chồng ông Lân, bà Vân gồm: Nhà mái bằng 03 tầng bê tông cốt thép, cửa gỗ, nền lát gạch hoa liên doanh cao 3,9m công trình phụ khép kín.

- Tầng 1: Kích thước 5m x 14,3m = 71,5m<sup>2</sup> x 5.630.000 đ/m<sup>2</sup> x 1,1 x 0,7 = 309.959.000 đồng.

- Tầng 2: Kích thước: 5m x 14,3m = 71,5m<sup>2</sup> x 5.630.000 đ/m<sup>2</sup> x 1,1 x 0,7 = 309.959.000 đồng.

- Tầng 3: Kích thước: 7m x 5m = 35m<sup>2</sup> x 5.443.000 đ/m<sup>2</sup> x 1,1 x 0,7 = 146.688.000 đồng.

- Ô văng tầng 1, 2 bê tông cốt thép: Kích thước 1,5m x 5m x 0,11 x 2 = 1,65 m<sup>3</sup> x 2.054.000 đồng/m<sup>3</sup> x 1,1 x 0,7 = 2.609.000 đồng.

- Mái tôn chống nóng tầng 2, cột kèo sắt: Kích thước 7m x 5m = 35m<sup>2</sup> x 500.000 đ/m<sup>2</sup> x 1,1 x 0,7 = 13.475.000 đồng.

\* Tài sản do ông Sỹ đang quản lý, sử dụng gồm:

1/ Nhà cấp 4 mái lợp ngói, đòn tay luồng, tường xây gạch đỏ, móng gạch đỏ, nền láng vữa xi măng, cửa gỗ + khung nhôm xây dựng năm 1978 (đã cải tạo lại), cao 3,2m của cụ Giáp và cụ Nghĩa. Kích thước: 5,4 m x 9,75 m = 52,65m<sup>2</sup> x 2.691.000 đồng/m<sup>2</sup> x 1,1 x 0,5 = 77.924.000 đồng.

2/ Nhà mái bằng (nhà tình nghĩa của anh Bằng), tường xây gạch xi 220, nền lát gạch hoa liên doanh, cửa nhôm + cửa gỗ cao 3,6m. Kích thước:  $4,2\text{m} \times 10\text{m} = 42\text{m}^2 \times 3.705.000 \text{đ}/\text{m}^2 \times 1,1 \times 0,7 = 119.820.000 \text{đồng}$ .

3/ Nhà tắm + nhà vệ sinh mái bằng, tường xây gạch đỏ cao 3m. Kích thước:  $2,2\text{m} \times 3,7\text{m} = 8,14\text{m}^2 \times 2.570.000 \times 1,1 \times 0,7 = 16.108.000 \text{đồng}$ .

4/ Bán mái lợp tôn, khung sắt trước cửa nhà tắm, nhà vệ sinh cao 3,7m. Kích thước:  $6,4\text{m} \times 10\text{m} = 64\text{m}^2 \times 500.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1,1 \times 0,7 = 24.640.000 \text{đồng}$ .

5/ Nhà kho bán mái, lợp ngói đỏ, đòn tay luồng, nền láng vữa xi măng, tường xây gạch xi 220, cao 2,5m. Kích thước:  $3,5\text{m} \times 2,2\text{m} = 7,7\text{m} \times 2.436.000 \text{đ}/\text{m}^2 \times 1,1 \times 0,6 = 12.380.000 \text{đồng}$ .

6/ Bể nước ăn, tường xây gạch đỏ, đáy nắp bê sâu 1,8m. Kích thước  $3\text{m} \times 4\text{m} = 12\text{m}$ .

Tường  $(3+3) + (4+4) \times 1,8 \text{ m} = 25,2\text{m}^2 \times 297.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1,1 \times 0,7 = 5.763.000 \text{đồng}$ .

+ Đáy bê tông:  $12\text{m}^2 \times 726.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1,1 \times 0,7 = 6.708.000 \text{đồng}$ .

+ Nắp bê tông:  $12\text{m}^2 \times 476.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1,1 \times 0,7 = 4.398.000 \text{đồng}$ .

7/ Bán mái, tường xây gạch xi, mái lợp pro xi măng, đòn tay luồng nền láng vữa xi măng, cao 2,5m. Kích thước:  $5,8\text{m} \times 3,6\text{m} = 20,88 \times 2.436.000\text{đ} \times 1,1 \times 0,6 = 33.570.000 \text{đồng}$ .

8/ Sân láng vữa xi măng (trước cửa nhà cấp bốn). Kích thước:  $7\text{m} \times 10,2\text{m} = 71,4\text{m}^2 \times 168.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1,1 \times 0,6 = 7.916.000 \text{đồng}$

9/ Khu công trình bếp, mái bằng, tường xây gạch xi, nền lát gạch hoa liên doanh xây dựng năm 2003, cao 2,8m. Kích thước:  $5\text{m} \times 4,1\text{m} = 20,5\text{m}^2 \times 2.570.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1,1 \times 0,7 = 40.567.000 \text{đồng}$ .

10/ Bể chứa nước ăn trong khu bếp, tường xây gạch, đáy nắp bê tông sâu 1,5m. Kích thước:  $1,2\text{m} \times 2,75 \text{ m} = 3,3\text{m}^2$ ; tường:  $(1,2+1,2) + (2,75+2,75) \times 1,5\text{m} = 11,85\text{m}^2 \times 297.000 \text{đ}/\text{m}^2 \times 1,1 \times 0,6 = 2.322.000 \text{đồng}$ .

11/ 02 trụ cổng xây gạch đỏ. Kích thước:  $0,45 \times 0,45 \times 2\text{m} \times 2 \text{ trụ} = 0,81\text{m}^3 \times 1.539.000 \text{đồng}/\text{m}^3 \times 1,1 \times 0,6 = 822.000 \text{đồng}$ .

12/ Cánh cổng sắt: Kích thước:  $2,8 \text{ m} \times 3,3\text{m} = 9,24\text{m}^2 \times 500.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1,1 \times 0,6 = 3.049.000 \text{đồng}$ .

13/ Tường bao xây gạch xi: KT: Cao  $2,8\text{m} \times 137,31\text{m}$  dài  $\times 0,22 = 84,58\text{m}^3 \times 768.000 \text{đ}/\text{m}^3 \times 1,1 \times 0,6 = 42,871,000 \text{đồng}$ .

14/ Giếng cuốn gạch  $1\text{m} \times$  sâu  $3,2\text{m} = 864.000 \text{đồng}$ .

15/ Bể nước ăn, tường xây gạch, đáy nắp bê tông, sâu 1,8m. KT  $3,1 \times 1,8 = 5,58\text{m}^2$ .

+ Tường  $(3,1+3,1) + (1,8+1,8) \times 1,4 \text{ m} = 13,72\text{m}^2 \times 297.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1,1 \times 0,6 = 2.689.000 \text{đồng}$ .

+ Đáy bê tông:  $5,58\text{m}^2 \times 726.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1,1 \times 0,6 = 2.673.000 \text{đồng}$ .

+ Nắp bê tông:  $5,58\text{m}^2 \times 476.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1,1 \times 0,6 = 1.753.000 \text{đồng}$ .

16/ Sân láng vữa xi măng: Kích thước  $13,7\text{m} \times 5,6\text{m} = 76,72\text{m}^2 \times 168.000 \text{đ}/\text{m}^2 \times 1,1 \times 0,6 = 8.506.000 \text{đồng}$ .

17/ Cây cối trên thửa đất:

- 01 cây nhãn 100kg/năm = 1.440.000 đồng
- 01 cây na 10 kg/năm = 208.000 đồng.
- 01 cây cau 02 buồng/năm = 230.000 đồng.
- 01 cây xoài 100kg/năm = 803.000 đồng.
- 02 cây khế 10kg/cây/01 năm = 112.000 đồng.
- 01 cây sấu 50kg/năm = 924.000 đồng.
- 01 cây bơ 10 kg quả 01 năm = 196.000 đồng.
- 01 cây dứa 02 buồng/10 quả/01 buồng = 237.000 đồng.
- 01 bụi chuối = 202.000 đồng.

Tổng giá trị công trình kiến trúc cây cối hoa màu trên đất là: 1.202.385.000đ (một tỷ hai trăm linh hai triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn).

Tại phiên tòa:

\* Các đương sự có mặt giữ nguyên quan điểm, yêu cầu như đã trình bày trước đó tại Tòa án, không thay đổi, bổ sung gì.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự gồm nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các bên đương sự tại phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 166, 167 và 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; các Điều 210, 213, 219, 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652 và 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí Tòa án số 97/2015 của Quốc hội ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/NQ-QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế theo pháp luật của nguyên đơn.

- Xác định khối tài sản chung của cụ Nguyễn Văn G và cụ Nguyễn Thị Ng để lại gồm: Thửa đất số 30, tờ bản đồ số 4, diện tích 90m<sup>2</sup> đất ao; thửa đất số 31 tờ bản đồ số 4 diện tích 860m<sup>2</sup>, trong đó 209m<sup>2</sup> đất ở, 411m<sup>2</sup> đất vườn, 240m<sup>2</sup> đất ao; tổng diện tích cả 2 thửa là 950m<sup>2</sup> (trong đó đất ở là 209m<sup>2</sup>, đất vườn là 411m<sup>2</sup>, đất ao là 330m<sup>2</sup>); địa chỉ thửa đất tại tổ dân phố T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; thửa đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã Hà Nam, tỉnh Nam Hà (nay là thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C169494 ngày 14/3/1994 mang tên Nguyễn Văn G và tài sản gắn liền với thửa đất gồm 01 nhà cấp bốn xây gạch đỏ, lợp ngói đỏ, đã cũ. Giá trị tài sản là quyền sử



dụng đất là: 405.890.000đ, giá trị tài sản là 01 nhà cấp bốn là 77.924.000đ. Tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 483.814.000đ.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ G và cụ Ng gồm: Ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Văn L, do ông L đã chết năm 2014 nên con đẻ của ông L là chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Quốc V được hưởng thừa kế thế vị.

- Về phân chia giá trị di sản thừa kế:

Di sản của cụ Nghĩa và cụ G để lại gồm Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 30 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 4 tại tổ dân phố T, phường L, thành phố P có giá trị là: 405.890.000đ và 01 nhà cấp bốn có giá trị là 77.924.000đ; tổng giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 483.814.000đ. Tuy nhiên các đương sự thống nhất không yêu cầu chia di sản là nhà cấp bốn của các cụ để lại, chỉ đề nghị chia di sản của các cụ là thửa đất số 30 và thửa đất số 31 có giá trị là 405.890.000đ.

Do cụ Ng và cụ G chỉ có 02 con đẻ là ông S và ông L (ông L đã chết nên chị N và anh V được hưởng thừa kế thế vị). Vì vậy ông S được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị di sản của các cụ là 202.945.000đ; chị N, anh V được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị di sản của các cụ là 202.945.000đ.

- Đương sự phải chịu chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Quốc V khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn G và cụ Nguyễn Thị Ng gồm quyền sử dụng đất tại tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Bị đơn Nguyễn Văn Sỹ có cùng địa chỉ với nơi có di sản để lại. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc giải quyết tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế trên thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Thị Ng chết năm 2000; cụ Nguyễn Văn G chết năm 2015; đến ngày 26/5/2023 chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Quốc V có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ G và cụ Ng. Căn cứ Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ G và cụ Ng vẫn còn.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đại diện theo pháp luật của UBND phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý là ông Nguyễn Thành Đ vắng mặt nhưng đã có văn bản xin xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được Tòa án thu thập trong hồ sơ vụ án và lời khai thống nhất của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đã xác định, di sản mà cụ Nguyễn Văn G và cụ Nguyễn Thị Ng để lại gồm có: Thửa đất

số 30 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 132, tờ bản đồ số 14) tại địa chỉ: Tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, đã được UBND thị xã Hà Nam, tỉnh Nam Hà (nay là UBND thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C169494 ngày 14/3/1994 mang tên Nguyễn Văn G; tài sản trên đất là 01 căn nhà cấp bốn, tường xây gạch đỏ, mái lợp ngói đỏ.

Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 210, 213 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1959 thì toàn bộ tài sản nêu trên thuộc quyền sở hữu chung hợp pháp của cụ G và cụ Ng và là di sản thừa kế của các cụ để lại.

Về diện tích của thửa đất số 30, tờ bản đồ số 4, HĐXX thấy rằng: Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích của thửa đất là 190m<sup>2</sup> đất ao, thời hạn sử dụng lâu dài. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc với UBND phường Liêm Chính ngày 31/7/2023; biên bản làm việc phòng Tài nguyên và môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Phủ Lý ngày 15/5/2024 cũng như biên bản làm việc với Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hà Nam ngày 24/9/2024; tại các tài liệu như Quyết định của UBND thị xã Hà Nam “Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số 62/QĐ-UB ngày 14/3/1994 của UBND thị xã Hà Nam; Danh sách đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất xã Liêm Chính, thị xã Hà Nam, tỉnh Hà Nam Ninh; sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Liêm Chính lập ngày 12/01/1994 và bản đồ đo đạc năm 1988 đều xác định diện tích của thửa đất số 30, tờ bản đồ số 4 là 90m<sup>2</sup>. Do đó, HĐXX xác định di sản mà cụ Giáp và cụ Nghĩa để lại là thửa đất số 30 tờ bản đồ số 4, diện tích 90m<sup>2</sup> đất ao và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 4, diện tích 860m<sup>2</sup> (trong đó đất ở là 209m<sup>2</sup>, đất vườn là 411m<sup>2</sup>, đất ao là 330m<sup>2</sup>). Tổng giá trị tài sản gồm thửa đất số 30 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 4 tại địa chỉ tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý là 405.890.000đ.

Chị N thay đổi quan điểm yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ G và cụ Ng để lại là thửa đất số 30, tờ bản đồ số 4, diện tích 90m<sup>2</sup> đất ao và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 4, diện tích 860m<sup>2</sup> (trong đó đất ở là 209m<sup>2</sup>, đất vườn là 411m<sup>2</sup>, đất ao là 330m<sup>2</sup>); tổng cộng là 950 m<sup>2</sup> đất là có căn cứ chấp nhận. Đại diện theo ủy quyền của ông S là bà N yêu cầu chia thừa kế 02 thửa đất trên với diện tích là 1.050m<sup>2</sup> đất là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về công sức chăm nom, nuôi dưỡng người để lại di sản; chi phí mai táng cụ G và cụ Ng; công sức quản lý, bảo quản, tôn tạo, sửa chữa di sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nghĩa vụ để lại của người có di sản: Các đương sự đều xác định cụ G, cụ Ng chết không để lại nghĩa vụ gì.

[7] Về việc từ chối nhận di sản: Không ai trong diện, hàng thừa kế của cụ G, cụ Ng từ chối nhận di sản nên di sản sẽ được chia cho các đồng thừa kế.

[8] Về người được hưởng thừa kế của cụ G, cụ Ng: Theo Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ G, cụ Ng gồm các con đẻ của các cụ là ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Văn L, do ông L đã chết nên con đẻ

của ông Lân là chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Quốc V được hưởng thừa kế thế vị đối với kỹ phần thừa kế mà ông L được hưởng theo Điều 652 của Bộ luật dân sự 2015.

[9] Về di sản thừa kế:

- Di sản của cụ Nguyễn Thị Ng và cụ Nguyễn Văn G gồm: Thừa đất số 30, tờ bản đồ số 4, diện tích là 90m<sup>2</sup> đất ao; thừa đất số 31, tờ bản đồ số 4, diện tích là 860m<sup>2</sup> (trong đó: đất ở là 209m<sup>2</sup>, đất vườn là 411m<sup>2</sup>, đất ao là 240m<sup>2</sup>), tổng giá trị quyền sử dụng đất tại 2 thửa đất trên là 405.890.000đ và tài sản trên thửa đất là 01 nhà cấp bốn trị giá 77.924.000đ. Tổng giá trị là 483.814.000đ; Tuy nhiên các đương sự đều không yêu cầu chia thừa kế đối với căn nhà cấp bốn mà chỉ yêu cầu chia thừa kế đối với 02 thửa đất, tổng giá trị là 405.890.000đ, do đó phần di sản của mỗi cụ để lại là 202.945.000đ.

- Cụ Nguyễn Thị Ng chết năm 2000. Tại thời điểm mở thừa kế của cụ Ng thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ng gồm 03 người, cụ thể: Cụ Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Văn L. Các đồng thừa kế được hưởng ngang nhau đối với phần di sản của cụ Ng. Cụ thể, mỗi đồng thừa kế được hưởng 202.945.000đ : 3 = 67.648.300đ.

- Cụ Nguyễn Văn G chết năm 2015, tại thời điểm mở thừa kế của cụ G thì hàng thừa kế thứ nhất của cụ G gồm 02 thừa kế, cụ thể: Ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Văn L; do ông L chết năm 2014 (chết trước cụ G) nên con đẻ của ông L là chị Nguyễn Thị Bích N, anh Nguyễn Quốc V là thừa kế thế vị. Các đồng thừa kế được hưởng ngang nhau đối với phần di sản của cụ G. Giá trị di sản của cụ G để lại là 202.945.000đ + 67.648.300đ = 270.593.300đ. Như vậy, ông S được hưởng 135.296.650đ, chị N và anh V được hưởng là 135.296.650đ.

Như vậy: Chị N, anh V được hưởng giá trị tài sản thừa kế là 67.648.300đ + 135.296.650đ = 202.944.950đ; ông S được hưởng 67.648.300đ + 135.296.650đ = 202.944.950đ.

[10] Về phân chia di sản:

Căn cứ điều kiện thực tế của di sản, tình trạng quản lý, sử dụng hiện tại đối với di sản cũng như nguyện vọng của các đương sự, HĐXX thấy rằng: Phần đất di sản của cụ G, cụ Ng để lại đủ điều kiện để phân chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế, cụ thể:

- Giao cho chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Quốc V được hưởng thừa kế đối với diện tích đất là 447m<sup>2</sup> (trong đó đất ở là 104,5m<sup>2</sup>, đất vườn 130m<sup>2</sup>, đất ao 212,5m<sup>2</sup>); trên diện tích đất này có 01 căn nhà 3 tầng xây kiên cố, công trình phụ khép kín (là tài sản của ông L và bà V xây dựng) và đoạn tường bao, sân, một số cây cối tại thửa đất số 30 và thửa đất số 31 tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 132, tờ bản đồ số 14); địa chỉ thửa đất tại: Tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của bà V giao cho chị Ng và anh V toàn quyền quản lý sử dụng căn nhà 3 tầng trên thửa đất.

- Giao cho ông Nguyễn Văn S được hưởng thừa kế diện tích đất là 503m<sup>2</sup> (trong đó đất ở là 104,5m<sup>2</sup>, đất vườn 281m<sup>2</sup>, đất ao 117,5m<sup>2</sup>); trên đất có 01 nhà cấp bốn của cụ Ng và cụ G để lại; 01 nhà mái bằng (là nhà tình nghĩa) và các tài

sản khác của vợ chồng ông S, bà N xây dựng (theo biên bản thẩm định, định giá tài sản) và một số cây cối trên đất; tại thửa đất số 30 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 132, tờ bản đồ số 14); tại địa chỉ: Tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của anh B giao cho ông S quản lý, sử dụng căn nhà mái bằng (nhà tình nghĩa) trên thửa đất, sau này nếu anh B có yêu cầu giải quyết đối với tài sản này thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm mở lối đi riêng.

- Chấp nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự về tài sản xây dựng trên đất và cây cối hoa màu trên đất nếu thuộc phần đất bên nào được hưởng thừa kế thì bên đó được quản lý, sử dụng, không phải trả chênh lệch giá trị tài sản cho nhau.

[11] Đối với di sản của các cụ là 01 nhà cấp bốn của cụ Ng và cụ G để lại, công sức chăm nom, nuôi dưỡng người để lại di sản, chi phí mai táng, cúng giỗ các cụ, công sức quản lý, bảo quản, tu sửa di sản: Các đương sự đều không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[12] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.955.000 đồng và chi phí định giá tài sản là 3.000.000 đồng, tổng cộng là 6.955.000đ do chị N đã bỏ ra tạm ứng và thanh toán toàn bộ. Chị N tự nguyện xin chịu toàn bộ chi phí này.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Quốc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 10.147.247đ.

- Ông Nguyễn Văn S là thương binh và là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí. Do đó, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông S.

[14] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 144, 147, 157, 165, 184, 185, 227, 228, 271, 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 29 Điều 3, Điều 166, Điều 167, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959; các Điều 213, 219, 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652, 660 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia thừa kế của chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Quốc V.

- Xác nhận cụ Nguyễn Thị Ng chết năm 2000, cụ Nguyễn Văn G chết năm 2015, không để lại di chúc.

- Xác định thửa đất số 30, tờ bản đồ số 4, diện tích 90m<sup>2</sup> đất ao và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 4, diện tích 860m<sup>2</sup>; trong đó đất ở 209m<sup>2</sup>, đất vườn 411m<sup>2</sup>, đất ao 240m<sup>2</sup>; tại địa chỉ: Xã Liêm Chính, thị xã Hà Nam, tỉnh Nam Hà (nay là thửa đất số

132, tờ bản đồ số 14; tại địa chỉ: Tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam), đã được UBND thị xã Phủ Lý (nay là UBND thành phố Phủ Lý), tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C169494 ngày 14/3/1994 mang tên ông Nguyễn Văn G, có giá trị là 405.890.000đ (bốn trăm linh năm triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị Ng và cụ Nguyễn Văn G là ông Nguyễn Văn S và ông Nguyễn Văn L, do ông L đã chết nên con đẻ của ông L là chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Quốc V được hưởng thừa kế thế vị.

3. Xác định mỗi kỳ phần thừa kế được hưởng có giá trị là:

- Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Quốc V được hưởng là: 202.944.950đ (hai trăm linh hai triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi đồng).

- Ông Nguyễn Văn S được hưởng là: 202.944.950đ (hai trăm linh hai triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi đồng).

4. Phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Ng và cụ Nguyễn Văn G để lại như sau:

- Giao cho chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Quốc V được hưởng thừa kế đối với diện tích đất là 447m<sup>2</sup> (trong đó đất ở là 104,5m<sup>2</sup>, đất vườn 130m<sup>2</sup>, đất ao 212,5m<sup>2</sup>); trên diện tích đất này có 01 căn nhà 3 tầng xây kiên cố, công trình phụ khép kín (là tài sản của bà ông Lân và bà V xây dựng) và đoạn tường bao, sân láng xi măng, một số cây cối tại thửa đất số 30 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 132, tờ bản đồ số 14); địa chỉ thửa đất tại: Tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Thúy V giao cho chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Quốc V được toàn quyền quản lý, sử dụng căn nhà 3 tầng trên thửa đất.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn S, bà Phạm Thị N và anh Nguyễn Lương B, giao cho chị N và anh V được quyền quản lý, sử dụng phần đất ao đã vượt lập, đoạn tường bao, sân láng xi măng, một số cây cối trên phần đất được chia thừa kế, không phải trả tiền chênh lệch tài sản cho ông S, bà N và anh B.

(Có sơ đồ kèm theo tại vị trí S1).

- Giao cho ông Nguyễn Văn S được hưởng thừa kế đối với diện tích đất là 503m<sup>2</sup> (trong đó đất ở là 104,5m<sup>2</sup>, đất vườn 281m<sup>2</sup>, đất ao 117,5m<sup>2</sup>); trên diện tích đất này có các tài sản gồm: 01 nhà cấp bốn của cụ Nguyễn Thị Ng và cụ Nguyễn Văn G để lại; 01 nhà mái bằng là nhà tình nghĩa của anh B; các tài sản khác của vợ chồng ông S, bà N xây dựng và một số cây cối, hoa màu; tại thửa đất số 30 và thửa đất số 31, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa đất số 132, tờ bản đồ số 14); địa chỉ thửa đất tại: Tổ dân phố Thá, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Lương B giao cho ông Nguyễn Văn S quản lý, sử dụng 01 căn nhà mái bằng (nhà tình nghĩa) trên thửa đất, sau

này nếu anh B có yêu cầu giải quyết đối với tài sản này thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm mở lối đi riêng.

(Có sơ đồ kèm theo tại vị trí S2).

Chấp nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự về tài sản xây dựng trên đất và cây cối hoa màu trên đất nếu thuộc diện tích đất của bên nào được hưởng thừa kế thì bên đó được quản lý, sử dụng, không phải trả chênh lệch giá trị tài sản cho nhau.

**5.** Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

**6.** Về chi phí tố tụng: Đối với chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là 6.955.000đ do chị N đã bỏ ra tạm ứng và thanh toán toàn bộ. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Bích N chịu toàn bộ chi phí tố tụng nêu trên.

**7.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Bích N và anh Nguyễn Quốc V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 10.147.247đ làm tròn là 10.147.000đ (mười triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Đổi trừ với số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) mà chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0001660 ngày 02/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích N số tiền 7.853.000đ (bảy triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng).

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn S.

**8.** Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bích N, anh Nguyễn Quốc V, bà Phạm Thị N, ông Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Lương B có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Thành Đ vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Kim Ngân**